

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 10/2026/TLST- HNGĐ ngày 19/01/2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1/ Chị Trần Thu H, sinh năm 2005. Địa chỉ: A T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Anh Trương Thành L, sinh năm 2005. Địa chỉ: thôn B, xã K, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thu H và anh Trương Thành L thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

Xét thấy các bên tự nguyện việc thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng có 01 (một) con chung và thỏa thuận như sau: Chị Trần Thu H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Hoàng Minh C, sinh ngày 14/10/2024. Anh Trương Thành L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H một tháng là 2.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2026 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi, sống tự lập và có khả năng lao động.

Đây là các đương sự tự nguyện thỏa thuận, xét thấy phù hợp cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Các đương sự tự nguyện chịu toàn bộ. Đây là đương sự tự nguyện chịu, xét thấy phù hợp cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thu H và anh Trương Thành L thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng có 01 (một) con chung và thỏa thuận như sau: Chị Trần Thu H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Hoàng Minh C, sinh ngày 14/10/2024. Anh Trương Thành L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H một tháng là 2.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2026 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi, sống tự lập và có khả năng lao động.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự: Sau khi ban hành Quyết định, kể từ thời điểm các bên thỏa thuận và chị Trần Thu H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh Trương Thành Lưu K thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng anh L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Anh Trương Thành L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Áp dụng Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) các đương sự thỏa thuận chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự mà chị Trần Thu H và anh Trương Thành L đã nộp theo biên lai số 0000259 ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Các đương sự đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Đường sự;
- VKSND KV 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- UBND phường Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Tỷ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

NAM
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM

Số: 17/2023/QĐST-DS

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp ., ngày 14 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 78/2023/TLST-DS, ngày 01-6-2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim P, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số A H, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Viết P1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ B, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Nguyễn Viết P1 phải trả cho bà Huỳnh Thị Kim P số tiền nợ gốc 77.000.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu đồng*) và tiền lãi từ ngày 24/01/2022 đến ngày 14/6/2023 là 77.000.000 đồng x 10%/năm x 17 tháng = 10.908.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 87.908.000 đồng (*Tám mươi bảy triệu chín trăm linh tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn Viết P1 phải chịu 2.197.700 đồng (*Hai triệu một trăm chín mươi bảy nghìn, bảy trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Kim P số tiền 1.925.000 đồng (*Một triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001331 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;.
- Chi cục TP K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ry Thị Mỹ Hoàng

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
NAM
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM
Số: 12/2023/QĐST-DS**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp ., ngày 04 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 31/2023/TLST-DS, ngày 10-3-2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ D, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum;

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số I P, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Anh Trần Đăng Hữu H1, sinh năm 1989 và chị Trần Hoài T1, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Số H K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Anh Trần Đăng Hữu H1 và chị Trần Hoài T1 phải trả anh Nguyễn Văn B số tiền nợ gốc 820.000.000 đồng (*T trăm hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi từ ngày 12/8/2022 đến ngày 25/4/2023 là 820.000.000 đồng x 10%/năm x 8 tháng = 54.666.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 874.666.000 đồng (*T trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Trần Đăng Hữu H1 và chị Trần Hoài T1 phải chịu 19.119.000 đồng (*Mười chín triệu một trăm mười chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn B số tiền 18.300.000 đồng (*Mười tám triệu ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001214 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;.
- Chi cục THADS.TP Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị

Hường